

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST

Ngày 06-02-2026

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Ngọc L, sinh năm 1975 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Căn cước công dân số 096175012387

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã KL, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1972 (có yêu cầu vắng mặt)

Căn cước công dân số 096072010646

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã KL, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2025 bà Lâm Ngọc L trình bày:*

Bà L và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/5/2006 và cấp lại vào ngày 23/8/2022. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống, thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu ly hôn với ông H.

Thời gian chung sống bà L và ông H có con chung tên Đặng Ngọc T, sinh ngày 20/11/2003 và Đặng Ngọc TT, sinh ngày 22/7/2005. Hiện con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà L không yêu cầu giải quyết.

**Tại tờ giải trình ngày 05/02/2026 ông Đặng Văn H trình bày:*

Ông H và bà L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH nay là xã KL, tỉnh Cà Mau. Do sống chung không hạnh phúc nên ông H thống nhất ly hôn theo yêu cầu bà L. Con chung đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung ông và bà L tự thỏa thuận, nợ chung không có nên ông H không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lâm Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn H. Do ông và bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông H có địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã KL, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, ông H nhưng ông bà có yêu cầu xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KL (xã KH, huyện U Minh cũ), tỉnh Cà Mau vào ngày 23/5/2006 và cấp lại ngày 23/8/2022. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông H. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông H vắng mặt khi hoà giải không có lý

do. Đồng thời tại tờ giải trình ngày 05/02/2026 ông H thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Lâm Ngọc L và ông Đặng Văn H được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống ông bà có con chung Đặng Ngọc T, sinh ngày 20/11/2003 và Đặng Ngọc TT, sinh ngày 22/7/2005. Do con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết là phù hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông H cùng xác định thời gian chung sống ông bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Ngọc L và ông Đặng Văn H được ly hôn.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Ngọc L phải nộp 300.000 đ (*Ba T nghìn đồng*). Vào ngày 15 tháng 12 năm 2025 bà L có dự nộp 300.000 đồng (*Ba T nghìn đồng*) theo biên lai số 0006366 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thắng – Đinh Chí Hiển

Nguyễn Kiều Trang